

Số: 431 /QĐ-CĐN

Trà Lý, ngày 07 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v công khai tình hình thực hiện dự toán Quý III năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ THÁI BÌNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 61/2017/TT-BTC hướng dẫn công khai ngân sách với đơn vị dự toán ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 2189/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho Trường Cao đẳng Nghề Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 27/06/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cấp bù tiền miễn giảm học phí năm học 2024-2025 cho Trường Cao đẳng Nghề Thái Bình;

Căn cứ vào kết quả, tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý III năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng QT-TC.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý III năm 2025 của Trường Cao đẳng Nghề Thái Bình (theo biểu đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Phòng QT-TC, Phụ trách kế toán và các tổ chức, cá nhân liên quan khác tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

Như điều 3;

Lưu: VT. 

HIỆU TRƯỞNG



TS. Đặng Nguyên Mạnh

Đơn vị: Trường Cao đẳng nghề Thái Bình
Chương: 599

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày tháng năm

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Quý III năm 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	9.634.260.000			
1	Chi sự nghiệp	9.634.260.000			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.051.066.000			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	583.194.000			
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		1.573.712.700		
I	Nguồn ngân sách trong nước		1.573.712.700		
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				



STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		1.573.712.700		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		1.573.712.700		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

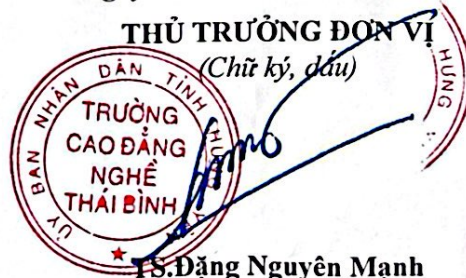
Đơn vị: Trường Cao đẳng nghề Thái Bình
Chương: 599

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
1	Chỉ quản lý hành chính				
2	Chỉ sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chỉ bảo đảm xã hội				
6	Chỉ hoạt động kinh tế				
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký, dấu)



TS. Đặng Nguyên Mạnh